

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2025/DS-PT

Ngày: 24 – 4 – 2025

V/v tranh chấp về dân sự - Hại

**NHÂN DANHQUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18/4/2025 và ngày 24/4/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLPT- DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Hại”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí Q, sinh năm 1985 (Có mặt); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 30/11/2023).

Bị đơn: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Phát T, (Có mặt) - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị Minh A, sinh năm 2005 (Vắng mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 30/11/2023 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2024 của bà Lê Thị H; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà H có anh Nguyễn Trí Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Vào ngày 19/12/2021, bà H có khai một dây hội tháng 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 19 người tham gia (30 phần hội). Dây hội này bà H1 tham gia 01 phần.

Bà H1 đóng được 08 lần hội sống và hốt hội lần thứ 9 (bỏ hội 930.000 đồng). Sau khi bà H trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 1.500.000 đồng và số tiền nợ hội trước đó là 11.500.000 đồng (là dây hội ngày khác, không phải tiền nợ hội ngày đang tranh chấp), bà H giao tiền hội trực tiếp cho bà H1. Bà H1 chỉ đóng được 03 lần hội chết là 9.000.000 đồng do chuyển khoản vào các ngày 04/3/2024, ngày 02/4/2024 và ngày 03/6/2024 nên còn nợ lại 54.000.000 đồng tiền hội chết.

- Một dây hội khai ngày 20/6/2022, hội 100.000 đồng/ngày có 100 phần hội với 14 người tham gia. Dây hội này bà H1 tham gia 10 phần.

Bà H1 đóng được 26 lần hội sống và hốt hội lần thứ 27 (bỏ hội 10.000 đồng). Sau khi bà H trừ tiền huê hồng cho chủ hội là 100.000 đồng/phần, còn lại 9.070.000 đồng. Với 10 phần hội, bà H1 hốt được số tiền 90.700.000 đồng. Bà H T1 số tiền 15.000.000 đồng nợ cũ bà H1 còn nợ nên bà H giao cho bà H1 số tiền hội là 75.700.000 đồng.

Dây hội ngày, bà H1 còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà H1 trả cho bà H số tiền hội chết còn nợ tổng cộng là 69.000.000 đồng.

* Tại Văn bản ý kiến ngày 02/01/2024 của bà Nguyễn Thị H1; Trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà H1 trình bày:

Bà H1 thống nhất có tham gia 02 dây hội do bà H làm chủ, cụ thể:

- Hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khai ngày 19/12/2021 có 30 người tham gia (mỗi người tham gia 01 phần). Bà H1 tham gia 01 phần.

Dây hội này, bà H1 đã đóng được 08 lần hội sống và hốt hội lần thứ 09 vào ngày 19/8/2022. Bà H1 bỏ hội 500.000 đồng và hốt được 75.000.000 đồng (đã trừ huê hồng cho chủ hội là 1.500.000 đồng). Số tiền hội 75.000.000 đồng được trừ vào số tiền thuê đất của bà H là 8.400.000 đồng, trừ vào tiền hội ngày còn nợ là 64.000.000 đồng (dây hội đang tranh chấp), còn lại 2.600.000 đồng. Bà H1 có đưa thêm cho bà H số tiền 400.000 đồng để đóng 01 lần hội chết (lần thứ 10) của dây hội 3.000.000 đồng.

- Hội 100.000 đồng, mỗi ngày khai 01 lần, khai hội vào ngày 20/6/2022, có 14 người tham gia (100 phần hội). Bà H1 tham gia 10 phần.

Dây hui này bà H1 hốt từ lúc mới khai, hốt 10 ngày đầu liên tiếp (từ ngày 20/6/2022 đến ngày 30/6/2022). Bà H1 hốt được bao nhiêu tiền hui không nhớ, cũng không nhớ bỏ hui bao nhiêu tiền (khoảng 10.000 đồng/phần). Bà H1 đã đóng hui chết được 26 ngày, còn nợ lại 64 ngày, mỗi ngày là 1.000.000 đồng thành tiền là 64.000.000 đồng. Nợ hui chết của dây hui ngày đã được bà H T1 lại khi bà H1 hốt dây hui tháng 3.000.000 đồng như đã trình bày.

Nay bà H1 không đồng ý trả cho bà H số tiền nợ hui chết còn lại là 69.000.000 đồng. Bởi vì, bà H1 đã trừ số tiền hui chết đối với dây hui ngày khi hốt hui tháng 3.000.000 đồng là 64.000.000 đồng. Đối với hui tháng, bà H1 còn nợ bao nhiêu không rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 xác định: Hiện nay, bà H1 không còn nợ tiền hui chết của bà H vì khi bà H1 chuyển khoản 03 lần (vào các ngày 04/3/2024, ngày 02/4/2024 và ngày 03/6/2024) thành tiền là 9.000.000 đồng là mãn dây hui tháng.

* Chị Phạm Thị Minh A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 137/2024/DS – ST, ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị H1 trả cho chị Lê Thị H số tiền hui còn nợ là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.450.000 đồng (ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.825.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006739 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Kháng cáo: Vào ngày 09/12/2024, bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn của vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có anh Q là người đại diện theo ủy quyền thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu bà H1 trả tiếp số tiền nợ hạn ngày 100.000 đồng, thành tiền là 15.000.000 đồng.

Bà H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với dây hạn tháng 3.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý với thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với dây hạn ngày 100.000 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1:

- Bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà H1 yêu cầu:

Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Bởi vì thực tế bà H1 đã hót dây hạn 3.000.000 đồng/tháng để cản trở số tiền hạn 100.000 đồng/ngày mà bà H1 đã thiếu cho bà H. Bà H1 đã đóng tiền hạn đầy đủ cho bà H. Hiện bà H1 không còn thiếu tiền hạn bà H.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1] Dây hạn tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 19/12/2021:

Bà H và bà H1 thống nhất: Bà H1 tham gia 01 phần, hót hạn lần thứ 9, còn lại 21 lần hạn chết. Dây hạn này mẫn vào ngày 19/5/2024. Khi tham gia dây hạn này, bà H không giao giấy hạn cho bà H1.

Bà H giao tiền hót cho bà H1 không có giấy tờ.

Xét thấy: Bà H1 xác nhận dây hạn 3.000.000 đồng, khai ngày 19/12/2021 (âm lịch) nhưng bà H không thừa nhận.

Bà H1 cho rằng: Vào ngày 04/3/2024, ngày 02/4/2024 và ngày 03/6/2024 bà H1 chuyển khoản cho bà H 03 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thành

tiền là 9.000.000 đồng. Lần bà H1 chuyển tiền cuối cùng vào ngày 03/6/2024 (tương ứng ngày 27/4/2024 âm lịch) cho bà H cũng là ngày hội mãn.

Tuy nhiên, nếu tính ngày khai hội là ngày dương lịch thì dây hội này mãn vào ngày 19/5/2024; Nếu tính ngày khai hội là ngày âm lịch thì dây hội này mãn vào ngày 19/4/2024 bởi vì năm 2023 có hai tháng 02. Cho nên lời trình bày của bà H1 về ngày 03/6/2024 bà chuyển tiền hội cho bà H cũng là ngày hội 3.000.000 đồng mãn là không phù hợp và không có căn cứ. Bởi lẽ, nếu tính ngày khai hội là ngày dương lịch thì còn thừa 01 tháng; Nếu tính ngày khai hội là ngày âm lịch thì không phù hợp với ngày hội mãn.

Những lần đóng hội còn lại, bà H1 cho rằng giao tiền mặt cho bà H nhưng bà H không thừa nhận. Do đó, chỉ có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà H1 đóng 03 lần hội chết cho bà H.

Như vậy, dây hội 3.000.000 đồng bà H1 còn nợ bà H 18 lần hội chết, thành tiền là 54.000.000 đồng.

[2.2] Dây hội ngày 100.000 đồng, khai ngày 20/6/2022: Bà H1 tham gia 10 phần, hốt hội lần thứ 27, còn lại 73 lần hội chết. Dây hội này mãn vào ngày 27/9/2022. Khi tham gia dây hội này, bà H không giao giấy hội cho bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có anh Q là người đại diện theo ủy quyền thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu bà H1 trả tiếp số tiền nợ hội ngày 100.000 đồng, thành tiền là 15.000.000 đồng.

Bà H1 thống nhất với thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bà H.

[2.3] Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[2.4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 chỉ có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà H1; Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do sửa Bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ hui là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007162 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lê Thị H được nhận lại 1.825.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004401 ngày 30/11/2023 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006739 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THATAT
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Liên Hiệp